ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 12969 /GP-SNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; số 22/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng; số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất của Công ty cổ phần sản xuất nhựa và bao bì Việt Nam ngày 04/6/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi tại Báo cáo kết quả thẩm định số 137/BC-CCTL ngày 23/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần sản xuất nhựa và bao bì Việt Nam (địa chỉ tại phố 3/2, xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa) thăm dò nước dưới đất theo thiết kế thăm dò nước dưới đất dự án Đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa và bao bì, dầu FO-R, dầu Silicon, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò: Đánh giá trữ lượng, chất lượng và khả năng khai thác của nguồn nước dưới đất nhằm cấp nước cho hoạt động của nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa và bao bì, dầu FO-R, dầu Silicon tại xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa, trong đó:

- Nước cấp cho ăn uống, sinh hoạt: 45,84 m^3/ngày đêm;
- Nước cấp cho làm mát 1,6 m^3/ngày đêm;
- Nước cấp bổ sung cho hoạt động rửa nguyên liệu: 1,2 m^3/ngày đêm;
- Nước cấp bổ sung cho hoạt động xử lý khí thải: 0,042 m^3/ngày đêm;
- Nước cấp cho hoạt động xịt sân bãi, đường nội bộ: 2,27 m^3/ngày đêm;
- Nước cấp cho hoạt động tưới cây: 23,77 m^3/ngày đêm;
- Nước cấp cho phòng cháy, chữa cháy, dự phòng, thất thoát: 13,2205 m^3/ngày đêm.

Tổng lưu lượng thăm dò dự kiến: 87,9425 m^3/ngày đêm (làm tròn 88 m^3/ngày đêm).

2. Quy mô thăm dò:

- Tổng số giếng thăm dò: 02 giếng.

- Tổng lưu lượng thăm dò: 88 m^3/ngày đêm; lưu lượng dự kiến của mỗi giếng 44 m^3/ngày đêm.

3. Vị trí công trình thăm dò: Tại phố 3/2, xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa *(có Phụ lục bảng tọa độ vị trí các mốc giới hạn khu vực thăm dò kèm theo)*.

4. Tầng chứa nước thăm dò:

- Tầng chứa nước lỗ hổng trong các trầm tích Pleistocen (qp), là tầng chứa nước không áp.

- Chiều sâu của các giếng thăm dò dự kiến lớn nhất: 70 m.

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(có Bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo)

6. Thời hạn giấy phép là 02 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần sản xuất nhựa và bao bì Việt Nam:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý về tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò nước dưới đất và các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình thăm dò theo quy định và của pháp luật về tài nguyên nước.

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của chủ giấy phép thăm dò nước dưới đất quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

5. Thực hiện trám lấp giếng khoan không sử dụng sau khi hoàn thành thăm dò theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng được ban hành kèm theo các Thông tư số 22/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Giao Chi cục Thủy lợi có trách nhiệm cập nhật thông tin của Giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần sản xuất nhựa và bao bì Việt Nam còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý TNN (để b/cáo);
- VP UBND tỉnh (để b/cáo);
- Đảng ủy, UBND xã Yên Phú;
- Công ty cổ phần sản xuất nhựa và bao bì Việt Nam;
- Lưu: VT, TL, TTPVHCC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THANH HÓA

Lê Văn Tiến

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU
Theo thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất của Công ty cổ phần sản xuất nhựa và bao bì Việt Nam

(Kèm theo Giấy phép số /GP-SNNMT ngày / / của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
I	**Lập đề án thăm dò**	báo cáo	1
II	**Thi công thăm dò**		
1	**Công tác thu thập tài liệu**		
-	Số liệu khí tượng thủy văn	yếu tố/năm	08
-	Số liệu địa chất thủy văn	yếu tố/năm	03
2	**Công tác khảo sát địa vật lý**		
-	Đo sâu điện	điểm	10
3	**Công tác trắc địa**	điểm	08
4	**Công tác khoan và kết cấu giếng khoan**		
-	Khoan thăm dò đường kính d= 140 mm	m/lỗ khoan	140/2
-	Khoan mở rộng đường kính d= 160 mm	m/lỗ khoan	140/2
-	Ống chống Φ125 mm	m/lỗ khoan	90/2
-	Ống lọc Φ125 mm	m/lỗ khoan	30/2
-	Ống lắng Φ125 mm	m/lỗ khoan	20/2
5	**Công tác bơm thí nghiệm**		
-	Bơm thổi rửa	ca máy/lỗ khoan	04/2
-	Hút nước giật cấp	ca máy/lỗ khoan	02/2
-	Hút nước thí nghiệm	ca máy/lỗ khoan	06/2
-	Đo hồi thủy	ca máy/lỗ khoan	06/2
6	**Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu nước**		
-	Mẫu toàn diện	mẫu	01
-	Mẫu phân tích vi lượng	mẫu	01
7	**Số liệu, tài liệu, kết quả thăm dò**	bộ	01
8	**Báo cáo kết quả thăm dò**	báo cáo	01
9	**Lắp thiết bị bơm nước lỗ khoan**	lỗ khoan	02

BẢNG TỌA ĐỘ VỊ TRÍ CÁC MỐC GIỚI HẠN KHU VỰC THĂM DÒ
Theo thiết kế thăm dò nước dưới đất của
Công ty cổ phần sản xuất nhựa và bao bì Việt Nam

(Kèm theo Giấy phép số /GP-SNNMT ngày / / của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa)

Tên mốc	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)
M1	2218153.5980	552776.6270
M2	2218182.6400	552832.3130
M3	2218231.5881	552924.5157
M4	2218236.5084	552937.7850
M5	2218176.1680	552983.9830
M6	2218093.1132	553051.6910
M7	2218075.0358	553067.5128
M8	2218040.1070	553023.4030
M9	2218003.3486	552961.7896
M10	2217983.5081	552905.0594
M11	2218004.5174	552891.8565
M12	2218004.5174	552891.8565
M13	2218099.2970	552815.4700